

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa:

\***Nguyên đơn:** Bà Phan Thị T. Sinh năm: 1997; Trú tại: Khu tái định cư Hòa L 5, xã HL, huyện HV, TP. Đà Nẵng

\***Bị đơn:** Ông Trương N. Sinh năm: 1995; Trú tại: số 8 Nại Th 4, phường NHD, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2023

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phan Thị T. Sinh năm: 1997; Trú tại: Khu tái định cư Hòa L 5, xã HL, huyện HV, TP. Đà Nẵng và Ông Trương N. Sinh năm: 1995; Trú tại: số 8 Nại Th 4, phường NHD, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1 Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phan Thị T và ông Trương N thống nhất tự thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 126 của UBND phường AHB, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 04.7.2017 không còn giá trị pháp lý.

**2.2. Về con chung:** Bà Phan Thị T và ông Trương N xác nhận có 01 con chung là Trương Quỳnh A; sinh ngày: 09.8.2017. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

Ông Trương N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Trương Quỳnh A; sinh ngày: 09.8.2017 đến tuổi trưởng thành, Bà Phan Thị T không cấp dưỡng nuôi con chung

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

**2.3. Về tài sản chung và nợ chung:** Bà Phan Thị T và ông Trương N khai nhận không có.

**2.4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng bà Tươi phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số **0003936** ngày 25.7.2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà Tươi được trả lại 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND p An Hải Bắc, q Sơn Trà, TPĐN
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thanh Thủy**